

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày 08/9/2025

*“Về việc ly hôn, tranh
chấp nuôi con khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13-GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Như Thủy.

2. Ông Lê Đình Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Minh Chính-Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 13-Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13-Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Y HLam-Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13-Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2024/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2024 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2025 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 370/TB-TA ngày 22/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn C, xã B, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Võ Hoài T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Võ Hoài T kết hôn ngày 26/6/2023 tại UBND xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là xã B, tỉnh Gia Lai). Trong quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc và phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống vì vậy vợ chồng đã sống ly thân, không còn ai quan tâm gì đến nhau. Nay chị H nhận thấy không

còn tình cảm yêu thương với anh T nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh Võ Hoài T có 01 (một) con chung tên là Võ Trần Thanh V, sinh ngày 23/7/2023, hiện nay con đang do chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng nên khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Võ Hoài T:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh T trình bày ý kiến và tham gia các hoạt động tố tụng tại Tòa án nhưng anh T đều không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai cũng như tài liệu, chứng cứ; không tham gia hòa giải và không tham gia phiên tòa.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 10/5/2025, các tài liệu do nguyên đơn cung cấp gồm: 01 đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2024; 01 căn cước công dân mang tên Trần Thị H (photocopy chứng thực); 01 giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 26/6/2023 của UBND xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (bản chính); 01 giấy khai sinh của con Võ Trần Thanh V (bản sao); 01 bản tự khai của chị Trần Thị H ngày 11/12/2024.

Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn anh Võ Hoài T cung cấp: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, xác minh: 01 biên bản xác minh ngày 10/5/2025.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13-Gia Lai:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc chấp hành của nguyên đơn theo giấy triệu tập của Tòa án đảm bảo theo quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập, thông báo và các quyết định của Tòa án.

Về phần nội dung: Thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự thuộc Tòa án nhân dân khu vực 13-Gia Lai. Hôn nhân của chị Trần Thị H và anh Võ Hoài T là hợp pháp; mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn; xét thấy chị H có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung là Võ Trần Thanh V, sinh ngày 23/7/2023. Mặt khác, con từ trước đến nay đang sống chung với chị H. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13-Gia Lai đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H về yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu được nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung; về án phí, nguyên đơn chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Trần Thị H yêu cầu ly hôn và có tranh chấp về nuôi con chung với anh Võ Hoài T hiện đang cư trú tại tổ dân phố T, phường A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân khu vực 13-Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Võ Hoài T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Võ Hoài T kết hôn ngày 26/6/2023 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là xã B, tỉnh Gia Lai), việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị H trình bày xác định nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng và đã sống ly thân, không còn tình cảm, yêu thương nhau. Vì vậy, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều không đến Tòa án để làm việc, không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, không tham gia hòa giải. Điều này thể hiện anh T đã bỏ mặc sự việc đến đâu thì đến, không còn quan tâm gì đến cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị H nữa. Tòa án đã phân tích hậu quả của việc ly hôn, động viên chị H hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng chị H vẫn cương quyết ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị H và anh Võ Hoài T có 01 con chung là Võ Trần Thanh V, sinh ngày 23/7/2023, hiện con đang ở với chị H. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con Võ Trần Thanh V.

Xét yêu cầu của chị H về việc nuôi con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay con đang sinh sống cùng chị H, chị H đang trong độ tuổi lao

động, có sức khỏe và thu nhập kinh tế hàng tháng ổn định, có chỗ ở, có đủ điều kiện để nuôi con, đảm bảo quyền lợi phát triển mọi mặt của con chưa thành niên, mặt khác từ khi ly thân với chị H đến nay anh T không quan tâm chăm sóc chu cấp tiền cấp dưỡng nuôi con, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con cần giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con Võ Trần Thanh V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù đã được Hội đồng xét xử giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của người trực tiếp nuôi con nhưng chị Trần Thị H không yêu cầu anh Võ Hoài T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 235; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Võ Hoài T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Võ Trần Thanh V, sinh ngày 23/7/2023 cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình kể từ ngày 08 tháng 9 năm 2025.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, hiện tại anh Võ Hoài T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003140 ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 13-Gia Lai). Chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (08/9/2025), nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13-Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 13-Gia Lai;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Dương, tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Đức